

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SY
TỈNH Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 16 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc An.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Viễn;
2. Bà Đặng Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thúy NG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SY mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: T.T.V, sinh ngày 22/8/2001 tại thành phố HN; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: C, xã A, huyện P, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông A, sinh năm 1977 và con bà S, sinh năm 1982; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2022 đến ngày 19/12/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

* **Bị hại:** Chị H, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn TT, xã MB, huyện SY, tỉnh Q; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh ĐTT, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn 89, xã PT, huyện PH, thành phố HN; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà DTN, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn D, xã TC, huyện PD, thành phố HN; có mặt.

* *Người làm chứng:* Anh THH, sinh năm 1985;

Trú tại: Khu G, xã A, huyện D, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/9/2022, T.H.N, trú tại xã TX rủ T.T.V, trú tại cụm DS, xã A, huyện D, thành phố HN lên khu vực tỉnh Q để tìm tài sản trộm cắp, V đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển số 29X3-463.05 (xe của mẹ đẻ V là bà DTN), chở V đi đến tỉnh Q, khoảng 14 giờ cùng ngày, N, V đi đến thôn TT, xã MB, huyện SY, tỉnh Q, quan sát thấy 01 xe mô tô biển số 22V1-2714 của chị H, trú tại thôn TT đang dựng trước cửa hàng tạp hoá của gia đình, N điều khiển xe đi qua quán khoảng 10 mét thì dừng lại bảo V cầm lái điều khiển xe “*quay lại để lấy cái xe này*”, V điều khiển xe quay lại cách vị trí chiếc xe mô tô 22V1-2714 khoảng 02 mét thì dừng lại, đứng cạnh giới. Quan sát xung quanh không có người, N xuống xe đi bộ đến chỗ xe mô tô trên, khoảng 2 phút sau N nổ máy được xe mô tô 22V1-2714 rồi điều khiển xe đi về hướng huyện ĐH, V điều khiển xe đi theo sau, khi đi đến khu 5, xã Sóc Đăng, huyện ĐH, tỉnh PT do chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được bị hỏng, N đưa xe vào quán sửa xe máy của anh THH để sửa chữa và bảo V “*quay lại tìm lấy thêm xe nữa*”. Khi N, V quay lại khu vực xã MB thì bị người dân phát hiện, truy đuổi (*do gia đình chị H phát hiện mất xe đang truy tìm*), V điều khiển xe bỏ chạy quay lại quán sửa xe của anh Hà lấy chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được rồi cả hai cùng đi về thôn A, xã F, huyện G, thành phố HN, tại đây, N gặp trao đổi và bán chiếc xe mô tô BKS 22V1-2714 vừa trộm cắp được cho anh ĐTT, trú tại thôn C, xã F, huyện G, thành phố HN lấy số tiền 3.000.000 đồng (khi bán xe N nói với Tr là xe người nhà nhờ bán). Số tiền bán xe, N chia cho V 1.000.000 đồng, V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất xe, ngày 19/9/2022, chị H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra quyết định khởi tố vụ án, bị can đối với T.T.V và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SY để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 22/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Q kết luận: xe mô tô biển số 22V1-2714 có trị giá là 9.030.000 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Kết luận giám định số 1493 ngày 03/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: đối với đĩa DVD do anh THH cung cấp, không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video gửi giám định; đặc điểm về người, đồ vật, diễn biến sự việc trong các file video gửi giám định được mô tả chi tiết trong bản ảnh gửi kèm kết luận.

Cáo trạng số 43/CT-VKSYS, ngày 24/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện SY đã truy tố T.T.V về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với T.T.V theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo T.T.V phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: T.T.V từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/5/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TA, huyện ĐP, thành phố HN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về bồi thường dân sự: Bị hại chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết,

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô biển số 29X3-463.05 và 01 xe mô tô biển số 22V1-2714. Ngày 28/9/2022, đã trả xe mô tô biển số 22V1-2714 cho chủ sở hữu là chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô biển số 29X3- 463.05 là xe của bà DTN (là mẹ đẻ bị cáo), do bà NG không biết bị cáo V sử dụng xe mô tô để đi trộm cắp tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử trả cho bà DTN.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo T.T.V thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai đã có hành vi trộm cắp của chị H, trú tại thôn TT, xã MB, huyện SY 01 xe mô tô biển số 22V1-2714 có trị giá là 9.030.000 đồng (*Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận

định giá, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 09/9/2022, tại thôn TT, xã MB, huyện SY, tỉnh Q: T.T.V và T.H.N đã có hành vi trộm cắp của chị H, trú tại thôn TT, xã MB, huyện SY 01 xe mô tô biển số 22V1-2714 có trị giá là 9.030.000 đồng (*Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản phục vụ nhu cầu của bản thân; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy để thể hiện tính khoan H của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 đối với bị cáo là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô biển số 29X3- 463.05 và 01 xe mô tô biển số 22V1-2714. Ngày 28/9/2022, đã trả xe mô tô biển số 22V1-2714 cho chủ sở hữu là chị H, chị H không có ý kiến gì về tài sản đã nhận lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xe mô tô biển số 29X3- 463.05 là xe của bà DTN, bà NG không biết bị cáo V sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho bà NG là phù hợp.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện SY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với anh ĐTT là người đã mua chiếc xe mô tô biển số 22V1-2714 do Nam và V trộm cắp được của chị H, nhưng khi mua xe, anh Trung không biết chiếc xe trên do Nam, V trộm cắp được mà có nên không đề cập xử lý trong vụ án;

Trong vụ án này, T.H.N là người giữ vai trò chính, chủ động rủ rê, lôi kéo V; là người trực tiếp giao dịch bán chiếc xe trộm cắp được cho anh Trung và hưởng lợi nhiều hơn. Sau khi thực hiện hành phạm tội Nam đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 24/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SY đã ra Quyết định truy nã số 01/QĐ-TN đối với Nam; đến ngày 25/3/2023, ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 và quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 01 đối với T.H.N để giải quyết theo quy định;

Đối với bà DTN là chủ sở hữu xe mô tô biển số 29X3-463.05, khi cho T.T.V mượn xe không biết việc V sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý;

Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo T.T.V phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Xử phạt: T.T.V **10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng**. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/5/2023).

Giao bị cáo T.T.V cho Ủy ban nhân dân xã TA, huyện ĐP, thành phố HN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà DTN 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA; số loại: WAVE; Màu sơn: Đỏ, đen, bạc; số khung: RLHJA3918KY376478; số máy: JA39E1244351; biển kiểm soát 29X3-463.05, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện SY với Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY ngày 26/4/2023).

5. Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà DTN được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh ĐTT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- Sở Tư pháp Q;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc An